

Số : 123/QĐ-THCSLT

Thời Hòa, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025  
của Trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ TỰ TRỌNG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Bến Cát về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn thành phố Bến Cát.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổ trưởng Tổ Văn phòng, Phòng Kế hoạch tài vụ và các phòng, ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- PGDĐT TX Bến Cát;
- Lưu VT, TC.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Trương Văn Trâm*

**CÔNG KHAI**  
**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(Kèm theo quyết định số 123/QĐ-THCSLT ngày 23/12/2024 của Trường THCS Lý Tự Trọng)

DVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>1</b>	<b>Số thu sự nghiệp, dịch vụ, thu khác</b>	
	Học phí	
<b>2</b>	<b>Số chi sự nghiệp, dịch vụ, thu khác</b>	
	Học phí	
<b>II</b>	<b>Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>15.172.720.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ / kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>12.092.427.661</b>
<b>1.1</b>	<b>Chi lương, phụ cấp các khoản đóng góp theo lương mức lương 2.340.000 đồng</b>	<b>9.614.821.765</b>
1.1.1	Chi lương, phụ cấp các khoản đóng góp theo lương mức lương 1.490.000 đồng	6.594.842.107
1.1.2	Chi lương, phụ cấp các khoản đóng góp theo lương mức lương 310.000 đồng	629.902.653
1.1.3	Chi lương, phụ cấp các khoản đóng góp theo lương mức lương 540.000 đồng	2.390.077.005
<b>1.2</b>	<b>Hoạt động bộ máy</b>	<b>1.221.698.591</b>
1.2.1	Hoạt động của giáo viên (27 triệu/người/năm)	1.566.000.000
1.2.2	Trừ tiết kiệm 10%	156.600.000
1.2.3	Nguồn kinh phí thường xuyên	1.409.400.000
1.2.4	Huy động nguồn thu học phí (60% số thu)	187.701.409
1.2.5	Ngân sách cấp nguồn kinh phí thường xuyên	1.221.698.591
<b>1.3</b>	<b>Hoạt động giảng dạy và học tập của học sinh</b>	<b>700.800.000</b>
1.3.1	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên	70.080.000
1.3.2	Ngân sách cấp cho hoạt động giảng dạy và học tập của học sinh	630.720.000
<b>1.4</b>	<b>Kinh phí hợp đồng ND 111/2022/ND-CP</b>	<b>625.187.305</b>
1.4.1	Tiền công, các khoản đóng góp của nhân viên hợp đồng	58.987.305
1.4.2	Kinh phí hoạt động của nhân viên hợp đồng	16.200.000
1.4.3	Tiết kiệm 10% kinh phí hoạt động của nhân viên hợp đồng	1.800.000
1.4.4	Kinh phí khoán hợp đồng hỗ trợ bảo vệ	270.000.000
1.4.5	Kinh phí khoán hợp đồng hỗ trợ phục vụ	180.000.000
1.4.6	Kinh phí khoán hợp đồng hỗ trợ y tế	100.000.000



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2	<b>Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ / kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>3.080.292.339</b>
2.1	<b>Hỗ trợ theo Nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND</b>	<b>352.608.480</b>
2.1.1	Tiền hỗ trợ 30% GV không trực tiếp dạy lớp	214.980.480
2.1.2	<b>Hỗ trợ nhân viên Bảo vệ</b>	<b>21.600.000</b>
	Số người	3
	Định mức: 600.000 đồng/người * số người * 12 tháng	21.600.000
2.1.3	<b>Hỗ trợ nhân viên Phục vụ</b>	<b>12.000.000</b>
	Số người	2
	Định mức: 500.000 đồng/người * số người * 12 tháng	12.000.000
2.1.4	<b>Hỗ trợ trang phục nhân viên Bảo vệ</b>	<b>1.800.000</b>
	Số người	3
	Định mức: 600.000 đồng/người * số người	1.800.000
2.1.5	<b>Hỗ trợ ngày Nhà giáo Việt nam 20/11</b>	<b>37.500.000</b>
	Số người	75
	Định mức: 500.000 đồng/người * số người	37.500.000
2.1.6	<b>Hỗ trợ viên chức phụ trách Thư viện</b>	<b>5.616.000</b>
	Số người	1
	Định mức: 0,2/tháng* mức lương cơ sở * 12 tháng * số người	5.616.000
2.1.7	<b>Hỗ trợ ở trọ</b>	<b>39.312.000</b>
	Số người	2
	Định mức: 0,7/tháng* mức lương cơ sở * 12 tháng	39.312.000
2.1.8	<b>Hỗ trợ công tác khác địa bàn</b>	<b>19.800.000</b>
	<b>Từ đủ 20 km đến dưới 40km</b>	<b>14.400.000</b>
	Số người	8
	Định mức: 200.000 đồng/tháng * 9 tháng* số người	14.400.000
	<b>Từ trên 40km</b>	<b>5.400.000</b>
	Số người	2
	Định mức: 300.000 đồng/tháng * 9 tháng* số người	5.400.000
2.2	<b>Tiền thêm giờ thêm buổi NH 2024-2025</b>	<b>1.087.091.677</b>
2.3	<b>Hỗ trợ Hội đồng thi tuyển sinh lớp 6 Tiếng anh tăng cường (theo NQ 01)</b>	<b>13.715.000</b>
2.4	<b>Tiền tết</b>	<b>150.000.000</b>
	Số người	75
	Định mức: 2.000.000 đồng/người* số người	150.000.000
2.5	<b>Hỗ trợ chi phí học tập</b>	<b>21.600.000</b>
	Số người	16
	Định mức: 150.000 đồng/hs/tháng * 9 tháng	21.600.000
2.6	<b>Hỗ trợ theo Nghị quyết 22/2024/NQ-HĐND</b>	<b>13.548.600</b>

Unit

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Số người	1
	Định mức: $(12,5\% * \text{mức lương} * \text{số tháng} * \text{hệ số lương} + \text{PCCV})$	13.548.600
2.7	Tiền công giáo viên hợp đồng + các khoản đóng góp	722.208.240
2.8	Hoạt động của giáo viên hợp đồng	95.500.000
2.9	Hỗ trợ đi học lớp Trung cấp chính trị	20.000.000
2.10	Kinh phí khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP	604.020.342

Hòa Lợi, ngày 23 tháng 12 năm 2024

Lập biểu

Phan Thị Xuân Tín

Thư trưởng đơn vị



Trương Văn Trâm

